

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN THUẬN PHÁT

## CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

### 1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN THUẬN PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THUAN PHAT REAL ESTATE TRADING AND SERVICE INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107966780

**3. Ngày thành lập:** 17/08/2017

### 4. Địa chỉ trụ sở chính:

LK22-6 khu đô thị mới Văn Khê, đường Tố Hữu, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

### 5. Ngành, nghề kinh doanh:

| STT | Tên ngành                                                                                                                           | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                      | 6619        |
| 2.  | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác                                                                                 | 7730        |
| 3.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                             | 1622        |
| 4.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                   | 4312        |
| 5.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản                        | 6820(Chính) |
| 6.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội, ngoại thất                                                     | 7410        |
| 7.  | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                                               | 2392        |
| 8.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                      | 4329        |
| 9.  | Quảng cáo                                                                                                                           | 7310        |
| 10. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                       | 3100        |
| 11. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh | 8299        |
| 12. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                      | 2710        |
| 13. | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                             | 2733        |
| 14. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                               | 4321        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 15. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4759 |
| 16. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4659 |
| 17. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7320 |
| 18. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4330 |
| 19. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như:<br>+ Các nhà máy lọc dầu,<br>+ Các xưởng hoá chất,<br>- Xây dựng công trình cửa như:<br>+ Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống...<br>+ Đập và đê.<br>- Xây dựng đường hầm;<br>- Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4290 |
| 20. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4663 |
| 21. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4322 |
| 22. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Việc chuẩn bị và thực hiện các dự án liên quan đến kỹ thuật điện và điện tử, kỹ thuật khai khoáng, kỹ thuật hoá học, dược học, công nghiệp và nhiều hệ thống, kỹ thuật an toàn hoặc những dự án quản lý nước;<br>- Việc chuẩn bị các dự án sử dụng máy điều hoà, tủ lạnh, máy hút bụi và kỹ thuật kiểm soát ô nhiễm, kỹ thuật âm thanh...<br>Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan;<br>Thiết kế kết cấu công trình;<br>Thiết kế điện - cơ điện công trình<br>Thiết kế cấp thoát nước<br>Thiết kế thông gió cấp thoát nhiệt<br>Thiết kế mạng thông tin liên lạc trong công trình xây dựng<br>Thiết kế phòng cháy chữa cháy<br>Thiết kế quy hoạch<br>Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện<br>Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình<br>Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ | 7110 |
| 23. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ<br>chi tiết: Xây dựng công trình giao thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4210 |

|     |                       |      |
|-----|-----------------------|------|
| 24. | Xây dựng nhà các loại | 4100 |
|-----|-----------------------|------|

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ  
**Mệnh giá cổ phần:** 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức    | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHẠM VĂN UỐC      | Tổ 4 khu 4, đường Lê Lợi, Phường Yết Kiêu, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 68.000     | 680.000.000           | 68,000    | 100910370                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                         | Tổng số           | 68.000     | 680.000.000           | 68,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                         |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGÔ THỊ DIỆU LINH | Thôn Đồng Ô, Xã Hà Tiến, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam                       | Cổ phần phổ thông | 2.000      | 20.000.000            | 2,000     | 174858954                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                         | Tổng số           | 2.000      | 20.000.000            | 2,000     |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                         |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | PHẠM TIẾN ĐẠT     | Tổ 4, khu 4, Phường Yết Kiêu, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam              | Cổ phần phổ thông | 30.000     | 300.000.000           | 30,000    | 100848485                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                         | Tổng số           | 30.000     | 300.000.000           | 30,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                         |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: PHẠM VĂN ƯỚC

Giới tính: Nam

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 14/04/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 100910370

Ngày cấp: 15/11/2013

Nơi cấp: Công an tỉnh Quảng Ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ 4 khu 4, đường Lê Lợi, Phường Yết Kiêu, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 9 ngõ 168/67 Kim Giang, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội